

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EASÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 28/9/2023.

“*V/v: Tranh chấp hôn nhân
Gia đình*”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thành Huế

Các hội thẩm nhân dân gồm có:

1. Bà Bùi Việt Nga

2. Ông Trần Ngọc Điệp

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại phòng xử án-Toà án nhân dân huyện Ea Súp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2023/TLST – HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T – SN 1978. Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã I, huyện S, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B – SN 1979. Vắng mặt. (Đã mất tích)

Địa chỉ: Thôn A, xã I, huyện S, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn B về chung sống với nhau vào năm 2000, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 3/7/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn,

cãi vã, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Ông B đã bỏ nhà đi từ năm 2007 đến nay không có tin tức gì. Hiện nay bà Nguyễn Thị Ngọc T đã làm thủ tục yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với ông Nguyễn Văn B và đã được Tòa án giải quyết. Để đảm bảo cho bà T thực hiện các giao dịch dân sự, phục vụ sinh hoạt cá nhân và các thủ tục hành chính nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông B.

Về con chung: Hiện con chung của bà T và ông B có 01 con chung là Nguyễn Hữu C – SN 2001 đã đủ tuổi trưởng thành nên bà T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn B, ngày 31/7/2023 Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đã ra Quyết định giải quyết việc dân sự số 05/2023/QĐST-DS tuyên bố ông B mất tích theo đơn yêu cầu của bà T. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng tại UBND xã I, nhưng ông B chưa trở về địa phương và không rõ ở đâu làm gì.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ ngày 12/9/2023 nguyên đơn đã được tiếp cận, thống nhất với chứng cứ đã được công khai và không thay đổi bổ sung đơn khởi kiện hay nộp chứng cứ mới, không yêu cầu triệu tập đương sự khác đến tham gia phiên tòa.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn B đã mất tích. Nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 98, 175, 176, 197, 198, 204 và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Viện tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và bảo đảm đúng nguyên tắc xét xử.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

2. Về nội dung:

Căn cứ các Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 68 Bộ luật dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 59 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ngọc T ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

Về con chung: Con chung của bà T và ông B là Nguyễn Hữu C đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường bà T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Bà T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn B là vợ chồng có đăng ký kết hôn hợp pháp, ông Nguyễn Văn B có nơi cư trú cuối cùng tại thôn A, xã I, huyện S. Do mâu thuẫn trong quá trình chung sống, nên bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung và Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Ngọc T có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông Nguyễn Văn B ngày 31/7/2023 Toà án nhân dân huyện Ea Súp đã ra Quyết định giải quyết việc dân sự số 05/2023/QĐST-DS tuyên bố ông B mất tích theo đơn yêu cầu của bà T. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành các thủ tục tố tụng tại UBND xã Ia Rvê, nhưng ông B không có mặt tại địa phương. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn B về chung sống với nhau vào năm 2000, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 3/7/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian chung sống vợ chồng chúng tôi thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Ông B đã bỏ nhà đi từ năm 2007 đến nay không có tin tức gì. Vì vậy bà Nguyễn Thị Ngọc T đã làm thủ tục yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với ông Nguyễn Văn B và đã được Tòa án giải quyết. Để đảm bảo quyền và lợi ích của bà T trong các giao dịch dân sự, thủ tục hành chính Nhà Nước nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông B là có cơ sở.

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân & Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, xử cho bà T được ly hôn với ông B là phù hợp.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn B có 01 con chung là Nguyễn Hữu C – sinh ngày 22/10/2001. Hiện nay, cháu C đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh không có bệnh tật, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Bà T không yêu cầu giải quyết nên không đề cập, xem xét.

[3]. Về án phí dân sự: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cần buộc bà T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Hiện nay, con chung Nguyễn Hữu C – sinh ngày 22/10/2001 đã trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh, không có bệnh tật, có khả năng lao động tự nuôi sống mình, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ: Bà Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Súp, theo biên lai số AA/2022/0003712 ngày 10/8/2023.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự ;
- Viện KSND huyện Ea Súp;
- Thi hành án huyện S;
- UBND xã I;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Trương Thành Huế